VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CHI PHÍ DỰA TRÊN HOẠT ĐỘNG ĐỂ CHUẨN HÓA KẾ TOÁN CHI PHÍ MÔI TRƯỜNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT GIẤY TẠI VIỆT NAM

TS. Diệp Tố Uyên* - ThS. Trần Thị Bích Nhân*

Nghiên cứu này xây dựng mô hình vận dụng phương pháp chi phí dựa trên hoạt động nhằm chuẩn hóa kế toán chi phí môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất giấy Việt Nam. Dữ liệu phân tích được thu thập từ Báo cáo thường niên năm 2024 của các công ty giấy niêm yết gồm HAPACO, Giấy Việt Trì, HHP Global và MIZA. Kết quả nghiên cứu cho thấy thông tin về chi phí môi trường hiện còn phân tán, chủ yếu mang tính mô tả và chưa được định danh rõ trong cấu trúc giá thành sản phẩm giấy. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất mô hình phù hợp với đặc thù ngành giấy, giúp phân bổ chi phí môi trường theo nguyên lý nhân quả và nâng cao độ chính xác của thông tin kế toán phục vụ quản trị bền vững.

• Từ khóa: *ABC, chi phí dựa trên hoạt động, chi phí môi trường, doanh nghiệp sản xuất giấy.*

This study developed a framework for operationalizing Activity-Based Costing (ABC) to standardize environmental cost accounting within the paper manufacturing sector in Vietnam. The analysis is based on secondary data collected from the 2024 annual reports of listed paper firms, including HAPACO, GVT, HHP, and MIZA. Research findings indicate that current environmental cost disclosures remain fragmented and predominantly descriptive, lacking distinct identification within product cost structures. Based on these findings, the study proposes a model that is suitable for the specific characteristics of the paper industry, enabling the allocation of environmental costs according to the cause-and-effect principle and improving the accuracy of accounting information to support sustainable management.

• Key words: *ABC, activity-based costing, environmental costing, paper manufacturing business.*

Ngày nhận bài: 22/01/2026
Ngày gửi phản biện: 28/02/2026
Ngày duyệt đăng: 27/3/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i310.14

1. Mở đầu

Trong bối cảnh phát triển bền vững toàn cầu, bảo vệ môi trường không còn là hoạt động mang tính thiện chí hay tự nguyện của doanh nghiệp sau lợi nhuận mà là trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc kiểm soát phát thải và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên để tồn tại lâu dài. Tại Việt Nam, sự ra đời của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 cùng các cam kết của Chính phủ về mức phát thải ròng bằng «0» (Net Zero) vào năm 2050 đã đặt ra yêu cầu cấp bách phải nội hóa trách nhiệm môi trường vào hoạt động kinh doanh. Điều này có nghĩa là các chi phí môi trường phải trở thành thành phần chi phí định danh trong cấu trúc giá thành sản phẩm.

Tuy nhiên, hệ thống kế toán chi phí truyền thống đang bộc lộ sự hạn chế khi chưa cung cấp được thông tin chính xác về chi phí môi trường khiến cho báo cáo môi trường thường mang tính mô tả hoặc tổng hợp thống kê, thiếu độ chính xác và khả năng so sánh giữa các doanh nghiệp hoặc sản phẩm. Hệ thống kế toán truyền thống thường phân bổ chi phí môi trường chung vào chi phí sản xuất theo tiêu thức đơn giản như sản lượng hay doanh thu, mà không truy vết chi phí theo hoạt động thực sự gây phát sinh, nên giá thành sản phẩm không phản ánh đúng thành phần chi phí môi trường gắn với từng công đoạn sản xuất. Ngược lại, kế toán chi phí dựa trên hoạt động (ABC - Activity Based Costing) là phương pháp giúp xác định rõ các hoạt động phát sinh chi phí và phân bổ chúng dựa trên mức độ sử dụng tài nguyên thực tế, thông qua các tác nhân chi phí. Phương pháp ABC đã được chứng minh là có thể

** Trường Đại học Hùng Vương; email: dieptouyen@hvu.edu.vn*

ước tính lượng khí thải và chi phí môi trường của sản phẩm cuối cùng chính xác hơn so với các phương pháp truyền thống (Pember và Lemon, 2012; Tsai và cộng sự, 2012; Yang và cộng sự, 2023).

Bối cảnh ngành sản xuất giấy tại Việt Nam hiện nay đang làm nổi bật tính cấp thiết của việc vận dụng phương pháp kế toán chi phí dựa trên hoạt động. Ngành giấy là một trong những ngành công nghiệp tiêu hao lớn về nước, năng lượng và nguyên vật liệu, đồng thời cũng tạo ra lượng lớn nước thải, khí thải và chất thải rắn trong quy trình sản xuất, nên chi phí môi trường phát sinh ngày càng lớn. Chi phí môi trường trong các doanh nghiệp giấy nếu không được đo lường đúng thì có thể bị bỏ sót hoặc thông tin thiếu chính xác trên các báo cáo kế toán. Việc vận dụng phương pháp kế toán chi phí dựa trên hoạt động để chuẩn hóa thông tin chi phí môi trường không chỉ giúp các doanh nghiệp giấy xác định đúng biên lợi nhuận mà còn là bước đi chiến lược để doanh nghiệp ngành giấy khẳng định cam kết với xã hội, thu hút vốn đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đề xuất mô hình vận dụng phương pháp chi phí dựa trên hoạt động, góp phần chuẩn hóa thông tin kế toán chi phí môi trường cho ngành giấy Việt Nam trong bối cảnh phát triển bền vững.

2. Cơ sở lý thuyết về phương pháp kế toán chi phí dựa trên hoạt động

Phương pháp chi phí dựa trên hoạt động hay còn gọi là phương pháp ABC (Activity Based Costing) trong kế toán xuất hiện vào những năm 1980 được coi là một trong những đổi mới quản lý quan trọng nhất của thế kỷ 20 bởi sự lan tỏa cũng như ứng dụng rộng rãi của nó trong các ngành công nghiệp khác nhau (Quesado và Silva, 2021). Phương pháp ABC đo lường chi phí và hiệu suất của các hoạt động, nguồn lực và đối tượng chi phí. Nguồn lực được phân bổ cho các hoạt động, sau đó các hoạt động được phân bổ cho các đối tượng chi phí dựa trên mức độ sử dụng của chúng. Phương pháp tính chi phí dựa trên hoạt động nhận biết được mối quan hệ nhân quả giữa các yếu tố thúc đẩy chi phí và các hoạt động. Mặc dù đã gần 40 năm kể từ lần đầu tiên phương pháp ABC xuất hiện và ứng dụng trên toàn thế giới thì ngày nay phương pháp này đang tiếp tục nhận được sự chú ý đặc biệt từ giới chuyên môn với đánh giá là công cụ hữu ích trong quản lý chi phí môi trường. Phương pháp ABC cung cấp dữ liệu chi phí chi tiết và chính xác theo các hoạt động, cho phép nhà quản trị kết hợp chi phí môi trường vào các quy trình ra quyết định chiến lược của họ (Tsai và cộng sự, 2012)

Theo Kaplan và Cooper (1998), ABC được thiết kế như một hệ thống đo lường chi phí theo nguyên lý nhân quả, trong đó chi phí được truy vết từ nguồn lực đến hoạt động và từ hoạt động đến sản phẩm, thay vì phân bổ bình quân theo một tiêu thức đơn giản như kế toán truyền thống. Quy trình vận hành ABC có thể được diễn giải theo trình tự sau:

Bước 1: Nhận diện và tập hợp nguồn lực (Resources). Doanh nghiệp bắt đầu bằng việc thu thập toàn bộ chi phí như tiền lương, khấu hao tài sản cố định, điện, nước, bảo trì và các chi phí gián tiếp khác từ sổ cái kế toán. Các chi phí này không được phân bổ trực tiếp cho sản phẩm mà được gắn với các hoạt động thông qua các tác nhân nguồn lực (resource drivers).

Bước 2: Xác định các hoạt động (Activities). ABC xem hoạt động là đơn vị trung gian tạo ra giá trị và tiêu thụ nguồn lực. Doanh nghiệp cần chia quy trình sản xuất thành các trung tâm hoạt động tương đối đồng nhất như chuẩn bị nguyên liệu, hoạt động vận hành, xử lý môi trường,... Ở bước này, doanh nghiệp nên phân cấp chi phí theo bốn tầng như đề xuất của Cooper (1990): cấp đơn vị sản phẩm (unit-level), cấp độ lô sản xuất (batch-level), cấp độ dòng sản phẩm (product-sustaining) và cấp độ toàn doanh nghiệp (facility-sustaining). Cách phân tầng này giúp nhận diện bản chất phát sinh chi phí và tránh việc phân bổ đồng đều cho mọi sản phẩm. Cấp đơn vị sản phẩm là hoạt động lặp đi lặp lại cho mỗi sản phẩm. Cấp độ lô sản xuất là các hoạt động phát sinh mỗi khi thực hiện một lô hàng mới bất kể quy mô sản lượng nhiều hay ít. Cấp độ dòng sản phẩm có thể hiểu là hoạt động duy trì sự tồn tại của một dòng sản phẩm cụ thể trên thị trường. Cấp độ toàn doanh nghiệp là các hoạt động không thể truy vết trực tiếp cho sản phẩm nhưng cần để doanh nghiệp vận hành. Đây là các cấp độ hoạt động cơ bản, khi vận dụng ABC thì

doanh nghiệp có thể thêm hoặc bớt tầng chi phí cho phù hợp.

Bước 3: Xác định tác nhân chi phí (Activity Drivers). Sau khi các hoạt động được thiết lập, cần lựa chọn các thước đo phản ánh mối quan hệ nhân quả giữa hoạt động và đối tượng chịu chi phí. Tác nhân chi phí có thể là số giờ máy vận hành, số lần thiết lập dây chuyền, số lô kiểm tra chất lượng hoặc cường độ sử dụng hóa chất,… Việc lựa chọn tác nhân chi phí phù hợp sẽ quyết định độ chính xác của hệ thống ABC.

Bước 4: Tính toán chi phí cho từng hoạt động (Activity Costing). Doanh nghiệp thực hiện tập hợp chi phí cho từng hoạt động dựa trên khối lượng tác nhân chi phí.

Bước 5: Phân bổ vào đối tượng chịu chi phí (Cost Objects). Ở bước cuối cùng, chi phí hoạt động được truy vết đến sản phẩm hoặc dịch vụ dựa trên lượng tác nhân mà mỗi đối tượng tiêu thụ. Thông qua cơ chế này, tổng chi phí được chuyển từ nguồn lực sang hoạt động và chuyển vào sản phẩm cuối cùng, qua đó xác định giá thành toàn bộ với mức độ chính xác cao hơn so với phương pháp truyền thống.

3. Vận dụng phương pháp kế toán chi phí dựa trên hoạt động cho các doanh nghiệp sản xuất giấy Việt Nam

3.1. Thực trạng báo cáo về chi phí môi trường của các doanh nghiệp sản xuất giấy Việt Nam

Ngành giấy Việt Nam đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng kinh tế tuần hoàn và xanh hóa sản xuất, thể hiện qua các dự án mới có quy mô trung bình đến lớn (100.000 tấn/năm trở lên) ngày càng nhiều, công nghệ và thiết bị tiên tiến, mức độ số hóa và tự động hóa cao, giúp tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, giảm phát thải, quản lý và xử lý tốt chất thải,… đều được các doanh nghiệp quan tâm đầu tư. Theo Báo cáo của Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam (2025), ngành giấy Việt Nam ghi nhận sự phục hồi và tăng trưởng ổn định trong bối cảnh nhiều thách thức của kinh tế thế giới. Tổng sản lượng giấy năm 2024 các loại đạt hơn 6,764 triệu tấn, tăng 7,2% so với năm 2023. Trong đó, giấy bao bì chiếm tỷ trọng lớn nhất với 5,84 triệu tấn, tăng 8,5%. Tuy nhiên, sản lượng thực tế vẫn chưa đạt mức tối đa do một số doanh nghiệp tại Bắc Ninh bị đình chỉ sản xuất vì các yếu tố môi trường. Tổng lượng tiêu dùng giấy đạt 6,728 triệu tấn, tăng 11,8%, chủ yếu nhờ nhu cầu bao bì từ các ngành xuất khẩu trọng điểm như điện tử, dệt may và da giày. Sản lượng xuất khẩu đạt 2,142 triệu tấn, giảm 7,0% do tình trạng thiếu container rỗng và cước phí vận chuyển đường biển tăng cao tại các thị trường xa như Bắc Mỹ và Châu Âu. Trong năm 2024, Việt Nam đã nhập khẩu 3,42 triệu tấn giấy thu hồi (phế liệu) và 563 nghìn tấn bột giấy để phục vụ sản xuất.

Tại Việt Nam, thông tin về chi phí môi trường của các công ty nói chung và các doanh nghiệp giấy nói riêng có thể thu thập công khai được từ Báo cáo thường niên của công ty niêm yết. Các công ty niêm yết tại Việt Nam được yêu cầu phải công bố thông tin môi trường như một phần của báo cáo thường niên theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC, gồm các thông tin như tiêu thụ nguyên liệu, nước, điện năng, số lần vi phạm môi trường, cam kết bảo vệ môi trường,.... Tuy nhiên, nghiên cứu thực nghiệm của Nguyễn Thị Kim Tuyến và cộng sự (2019) với 170 doanh nghiệp niêm yết cho thấy mức độ công bố thông tin môi trường còn thấp, thường chỉ tập trung vào các thông tin định tính như chính sách, số tài nguyên sử dụng và vi phạm, chứ không có nhiều số liệu định lượng chi tiết như chi phí môi trường riêng biệt. Một trong những nguyên nhân của vấn đề này là do hạn chế của hệ thống thông tin kế toán truyền thống.

Để có cơ sở đánh giá được thực trạng báo cáo chi phí môi trường của các doanh nghiệp sản xuất giấy tại Việt Nam, nhóm tác giả khai thác thông tin trên Báo cáo thường niên năm 2024 của 04 các công ty niêm yết trong ngành giấy bao gồm Miza Corporation (MZG), Giấy Việt Trì (GVT), Tập đoàn HAPACO (HAP) và HHP Global (HHP). Thực trạng báo cáo chi phí môi trường của các công ty giấy có thể đánh giá như sau:

Thứ nhất, các báo cáo không tách biệt mục riêng về chi phí môi trường trong báo cáo thường niên mà tập trung công bố các chỉ số định lượng về tiêu hao tài nguyên và nguyên liệu tái chế để phản ánh hiệu quả quản lý chi phí nội bộ gắn liền với môi trường.

- Chi phí nguyên liệu tái chế đóng vai trò là khoản tiết kiệm chi phí môi trường lớn nhất. MZG sử dụng giấy phế liệu - bìa carton cũ làm nguyên liệu chính. GVT báo cáo lượng giấy tái

sinh đạt 160.000 tấn, chiếm 90% tỷ lệ nguyên liệu. HAP sử dụng 19.106 tấn nguyên liệu tái chế (chiếm 27,5%). HHP đạt tỷ lệ tái chế ấn tượng lên tới 96%. Tuy nhiên, đứng trên góc độ chi phí dựa trên hoạt động, chỉ có HAP cung cấp được thông tin chi tiết về chi phí nguyên liệu theo từng sản phẩm.

- Chi phí tiêu thụ năng lượng: Các công ty sử dụng điện, than, củi để sản xuất giấy. Mức tiêu thụ năng lượng tổng thể đều được các công ty báo cáo, tuy nhiên chỉ có HAP báo cáo chi tiết theo từng sản phẩm. Thông qua báo cáo thường niên có thể thấy được nỗ lực tiết kiệm năng lượng của các công ty. HAP đã thực hiện sáng kiến tiết kiệm được 10% chi phí điện. GVT cũng ghi nhận mức tiết kiệm từ 10% đến 15% thông qua các cải tiến. HHP đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái 1.188 kWp để giảm chi phí điện lưới. MZG chưa có thông tin chi tiết.

- Chi phí tiêu thụ nước: Tỷ lệ tái tuần hoàn nước là một chỉ tiêu chi phí môi trường quan trọng. HAP đạt tỷ lệ 100% nước tái chế thông qua hệ thống tuần hoàn. GVT tái sử dụng khoảng 70%, và HHP cũng duy trì tỷ lệ tuần hoàn 70% cho nhà máy mới. MZG chưa có thông tin chi tiết.

Thứ hai, tất cả các công ty được khảo sát đều công bố tình trạng tuân thủ pháp luật môi trường nhằm khẳng định không phát sinh các chi phí phạt. Cả MZG, GVT, HAP và HHP đều báo cáo không có lần nào vi phạm hành chính về môi trường trong năm báo cáo. Tổng số tiền nộp phạt do không tuân thủ quy định môi trường của cả 4 doanh nghiệp này được ghi nhận là 0 đồng.

Thứ ba, các doanh nghiệp đã công bố những khoản chi phí vốn lớn dành cho môi trường, phản ánh chiến lược chuyển đổi xanh trong sản xuất giấy. MZG công bố đầu tư trên 30 tỷ đồng cho hệ thống xử lý nước thải công nghệ MBBR. HHP đầu tư xây dựng nhà máy theo tiêu chuẩn LEED Silver (Hoa Kỳ) và thực hiện các khoản chi cho kiểm kê khí nhà kính, lập báo cáo ESG định kỳ. HAP đang nghiên cứu dự án sản xuất giấy từ bột đá để đón đầu chính sách bảo vệ môi trường của Chính phủ.

Nhìn chung, các công ty giấy đang thực hiện rất tốt việc công khai các định mức tiêu hao (điện, nước, than, củi) theo từng tấn sản phẩm giấy giúp cổ đông đánh giá được khả năng kiểm soát chi phí biến đổi của doanh nghiệp. Tuy nhiên, các chi phí chưa được phân tách theo hoạt động và phần lớn các chi phí môi trường định kỳ (phí bảo vệ môi trường, chi phí vận hành trạm xử lý nước thải, chi phí quan trắc môi trường) chưa được bóc tách riêng lẻ trong báo cáo mà đang được thể hiện chung trong chi phí sản xuất chung hoặc chi phí quản lý doanh nghiệp. Hạn chế này thúc đẩy sự cần thiết áp dụng ABC trong kế toán chi phí tại các công ty giấy.

3.2. Hướng dẫn áp dụng phương pháp kế toán chi phí dựa trên hoạt động để báo cáo chính xác chi phí môi trường cho các doanh nghiệp sản xuất giấy Việt Nam

Việc kết hợp ABC với kế toán môi trường với những lợi thế đã đề cập ở cơ sở lý thuyết, cho phép doanh nghiệp hiểu chính xác mức độ chi phí môi trường liên quan đến từng hoạt động, quy trình và sản phẩm, từ đó ra quyết định chính xác hơn về cải tiến sản xuất, giảm phát thải và kiểm soát chi phí môi trường. Áp dụng ABC sẽ thúc đẩy nhận diện, đo lường và tích hợp đầy đủ chi phí môi trường vào cấu trúc giá thành sản phẩm.

Qua nghiên cứu đặc điểm quy trình sản xuất giấy, nhóm tác giả đề xuất mô hình áp dụng ABC cho các doanh nghiệp giấy Việt Nam tham khảo ở hình 1.

Hình 1. Mô hình ABC áp dụng cho các doanh nghiệp giấy

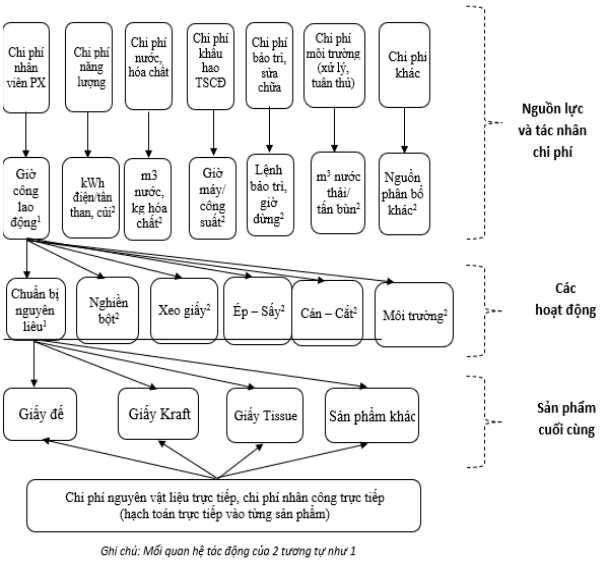

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Quy trình vận hành ABC trong các công ty sản xuất giấy có thể được diễn giải cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp sản xuất giấy tập hợp toàn bộ chi phí gián tiếp phát sinh trong kỳ từ hệ thống sổ cái kế toán, bao gồm: chi phí nhân công gián tiếp, chi phí năng lượng, chi phí nước, chi phí hóa chất, chi phí khấu hao máy móc thiết bị, chi phí bảo trì sửa chữa, chi phí môi trường (xử lý nước thải, bùn thải, quan trắc) và các chi phí khác. Các khoản này không phân bổ trực tiếp cho sản phẩm giấy mà được phân bổ vào các hoạt động thông qua tác nhân chi phí tương ứng như: giờ công lao động, kWh điện, tấn than, củi, m^3 nước, kg hóa chất sử dụng, giờ máy/công suất vận hành, số lệnh bảo trì hoặc m^3 nước thải, tấn bùn, …

- Tùy theo đặc thù quy trình công nghệ và các sản phẩm sản xuất mà các hoạt động được xác định. Chẳng hạn, quy trình sản xuất giấy được chia thành các trung tâm hoạt động: (1) Chuẩn bị nguyên liệu, (2) Nghiền bột, (3) Xeo giấy, (4) Ép - Sấy, (5) Cán - Cắt, và (6) Hoạt động môi trường (xử lý nước thải, bùn). Các hoạt động này cần được phân tầng cụ thể và phù hợp với quy trình công nghệ từng doanh nghiệp.

- Mỗi hoạt động được gắn với một hoặc một nhóm tác nhân chi phí có mối quan hệ nhân quả với sản phẩm. Việc lựa chọn tác nhân chi phí phù hợp đảm bảo chi phí được phân bổ theo mức độ tiêu thụ thực tế của từng dòng sản phẩm.

- Chi phí nguồn lực sau khi phân bổ được tập hợp cho từng hoạt động. Hệ số phân bổ tính bằng cách chia tổng chi phí hoạt động cho tổng khối lượng tác nhân.

- Cuối cùng, chi phí hoạt động được truy vết vào các sản phẩm như giấy đế, giấy kraft, giấy tissue hoặc sản phẩm khác dựa trên lượng tác nhân mà mỗi sản phẩm tiêu thụ. Cùng với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và nhân công trực tiếp được hạch toán trực tiếp vào sản phẩm, hệ thống ABC cho phép xác định giá thành toàn bộ theo nguyên lý nhân quả, phản ánh chính xác mức tiêu hao nguồn lực của từng dòng giấy nói chung và phân bổ được chi phí môi trường có liên quan cho từng sản phẩm cụ thể.

Kết luận

ABC là giải pháp tối ưu để chuẩn hóa chi phí môi trường khi cho phép truy vết chính xác các dòng chi phí này từ nguồn lực tiêu thụ đến từng sản phẩm cụ thể thông qua hệ thống tác nhân chi phí. Để áp dụng thành công mô hình kế toán chi phí dựa trên hoạt động (ABC) tại các doanh nghiệp sản xuất giấy cần có các điều kiện tiên quyết về cả hạ tầng kỹ thuật, tổ chức nhân sự và đặc thù sản xuất. Trước hết, ABC phù hợp khi chi phí gián tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành, như chi phí điện năng, khấu hao máy móc, chi phí xử lý môi trường,… Bên cạnh đó, ABC phát huy hiệu quả khi doanh nghiệp có nhiều dòng sản phẩm với mức tiêu hao hoạt động khác nhau, khác biệt về định lượng, quy cách, tần suất thiết lập máy hoặc yêu cầu chất lượng khiến mỗi sản phẩm tiêu thụ nguồn lực không đồng đều. Đồng thời, doanh nghiệp cần có khả năng đo lường các tác nhân chi phí như giờ máy, kWh điện, m^3 nước thải,… để đảm bảo tính chính xác của mô hình. Cuối cùng, điều kiện tổ chức và quản trị đóng vai trò quyết định. Doanh nghiệp phải có hệ thống kế toán đủ chi tiết để tách biệt các khoản chi phí theo hoạt động, cùng với sự cam kết của lãnh đạo trong việc sử dụng thông tin ABC cho mục tiêu quản trị chiến lược và minh bạch chi phí, đặc biệt trong bối cảnh gia tăng yêu cầu về báo cáo môi trường và phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo:

Báo cáo thường niên (2024), Công ty cổ phần Giấy Việt Trì.

Báo cáo thường niên (2024), Công ty cổ phần HHP GLOBAL.

Báo cáo thường niên (2024), Công ty cổ phần MIZA.

Báo cáo thường niên (2024), Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO.

Cooper, R. (1990). Explicating the logic of ABC. Management Accounting, 68(10), 58–60.

Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam (2025), Ấn phẩm Công nghiệp Giấy: Tình hình sản xuất kinh doanh ngành Giấy Việt Nam năm 2024, Số 1-2025.

Kaplan, R. S., & Cooper, R. (1998). Cost & effect: using integrated cost systems to drive profitability and performance. Harvard Business Press.

Nguyen, T. K. T., Nguyen, N. T., & Nguyen, T. M. H. (2019). Assessing the level of environmental information disclosure by listed companies on the stock market in Vietnam. Problems and Perspectives in Management, 17(3), 207.

Pember, A., & Lemon, M. (2012). Measuring and managing environmental sustainability: using activity-based costing/Management (ABC/M). The Consortium for Advanced Management–International.

Quesado, P., & Silva, R. (2021). Activity-based costing (ABC) and its implication for open innovation. Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity, 7(1), 41.

Tsai, W. H., Shen, Y. S., Lee, P. L., Chen, H. C., Kuo, L., & Huang, C. C. (2012). Integrating information about the cost of carbon through activity-based costing. Journal of Cleaner Production, 36, 102–111. https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2012.02.024

Yang, Y., Jiang, J., Wang, R., Xu, G., & Gu, J. (2023). Study on the application of activity-based costing in cold chain logistics enterprises under low carbon environment. Sustainability, 15(18), 13808.